

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **96/2026/HS-PT**

Ngày: **30 – 3 – 2026**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Lan Hương**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Nhân**

Bà **Phan Thị Thu Hương**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hòa** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Hà Văn Chuyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai và tại điểm cầu Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai trực tuyến vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 40/2026/TLPT-HS ngày 09 tháng 02 năm 2026 đối với các bị cáo Nguyễn Thanh T và Phan Nguyễn Quỳnh A do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 358/2025/HS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai.

- Các Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thanh T, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 30/7/1998 tại tỉnh Bình Dương (nay là thành phố Hồ Chí Minh).

Số Căn cước công dân: 074098005099, cấp ngày 01/3/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã T, thành phố Hồ Chí Minh).

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông: Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1967 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Xuân D, sinh năm 1967.

Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con.

Tiền án: Tại Bản án số 190/2017/HSST ngày 12/9/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt bị cáo 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 28/01/2022 (chưa được xoá án tích).

Tiền sự: Không.

Bị bắt quả tang ngày 18/8/2022, chuyển tạm giam theo lệnh số 882 ngày 26/8/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Đồng Nai.
(Có mặt tại điểm cầu Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Đồng Nai)

2. Phan Nguyễn Quỳnh A, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ.

Sinh ngày 16/01/2005 tại thành phố Hồ Chí Minh.

Số Căn cước công dân: 040304012678, cấp ngày 20/5/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi ĐKTT: Số H đường L, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, thành phố Hồ Chí Minh).

Nơi ở hiện nay: Khu N, phường B, T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, thành phố Hồ Chí Minh).

Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Học sinh.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông: Phan Bá L, sinh năm 1981; Con bà: Nguyễn Thị O, sinh năm 1980.

Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có chồng, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt quả tang ngày 18/8/2022, chuyển tạm giam theo lệnh số 883 ngày 26/8/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Đồng Nai.
(Có mặt tại điểm cầu Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Đồng Nai)

Người bào chữa cho bị cáo Phan Nguyễn Quỳnh A theo chỉ định: Luật sư **Dương Văn Ổ**, sinh năm 1953 – Văn phòng Luật sư Dương Văn Ổ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ. *(Có mặt tại điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Địa chỉ: Số I khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra, còn có các bị cáo Dương Khắc K, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Hoàng Ngọc A1, Bùi Tuấn T2 nhưng không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nội dung chính của vụ án:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Khắc K, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Thanh T, Phan Nguyễn Quỳnh A, Nguyễn Hoàng Ngọc A1 là bạn bè và đều là các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy.

Khoảng 21 giờ ngày 17/08/2022, K, P, T, Quỳnh A, Ngọc A1 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày 23/11/2007 (em trai của P) và đối tượng Nguyễn Huy S (chưa rõ lai lịch) cùng ngồi uống bia tại quán ăn “Lai Rai” trên đường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai). Đến khoảng 00 giờ ngày 18/8/2022, K, P, Ngọc A1, Quỳnh A, T và S cùng bàn bạc rủ nhau góp tiền mua ma túy và thuê địa điểm để sử dụng (chi phí hết bao nhiêu sẽ chia đều cho từng người). Tuy nhiên, do chưa tìm được nơi sử dụng ma túy nên nhóm K thống nhất tạm thời đi về đến khi tìm được địa điểm sẽ cùng nhau đến sử dụng chung ma túy. P điều khiển xe mô tô biển số 60F4-171.33 chở Quỳnh A, H và T về nhà của P. K điều khiển xe mô tô biển số 60F3-488.78 chở Ngọc A1 về nhà K.

Trên đường K chở Ngọc A1 về thì S gọi điện nói K liên lạc với Đ nhờ tìm địa điểm sử dụng ma túy. K gọi điện cho đối tượng Đ (chưa rõ lai lịch) thì Đ cho K số điện thoại của một người đàn ông không rõ lai lịch (số T) để K liên hệ thuê địa điểm sử dụng ma túy. Tiếp đó, K gọi điện cho người đàn ông trên thì được người này đồng ý cho K thuê căn nhà tại địa chỉ tổ B, khu phố D, phường T với giá 3.500.000đồng/10giờ, K đồng ý. K điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) cùng Ngọc A1 đi cùng theo sự chỉ dẫn của đối tượng nam thanh niên (chưa rõ lai lịch) đến căn nhà nêu trên. Sau khi giao chìa khóa nhà cho K, do K chưa trả tiền thuê nhà nên K giao xe mô tô cho người thanh niên để thế chấp, khi nào trả hết tiền thuê nhà thì K sẽ lấy lại chiếc xe trên.

Sau khi thuê được địa điểm, K nói Ngọc A1 gửi định vị chia sẻ vị trí để Quỳnh A và P đến. K thông báo cho P biết đã thuê được phòng sử dụng ma túy và nói P chuyển khoản trả trước 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền thuê cho chủ nhà vào số tài khoản ngân hàng M số TK: 0366113917 tên Quách Tiến H1, P đồng ý và sử dụng tài khoản ngân hàng của Quỳnh A (tài khoản này P và Quỳnh A sử dụng chung) chuyển khoản số tiền 1.500.000 đồng theo hướng dẫn của K.

Sau đó, P rủ H cùng đi sử dụng ma túy, rồi điều khiển xe mô tô chở Quỳnh A, H tới địa điểm trên gặp K và Ngọc A1. Tới nơi, P nói H điều khiển xe mô tô quay về nhà đón T tới. Khi T, H tới, P nói T góp số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) để mua ma túy, T đồng ý và chuyển khoản vào tài khoản của Quỳnh A số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Tại đây, K, P, H, T, Quỳnh A và Ngọc A1

đi vào căn phòng ngủ lầu trệt, trong phòng đã được trang bị sẵn đèn chớp màu, loa, 01 đĩa sứ, 01 thẻ nhựa ATM và 01 tiền mệnh giá 20.000 đồng được cuộn lại.

Để có ma túy sử dụng, K sử dụng điện thoại của Ngọc A1 (phần mềm messenger - facebook) gọi cho đối tượng tên Huỳnh Phạm Thảo L1 (chưa rõ lai lịch) hỏi mua 01 gói ma túy hàng khay và 04 viên thuốc lắc với giá 3.900.000 đồng (Ba triệu chín trăm nghìn đồng). Sau khi thỏa thuận mua bán ma túy với K, L1 gọi điện nói Bùi Tuấn T2 đến C nhận ma túy đi giao cho K và sẽ trả công cho T2 số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). T2 điều khiển xe mô tô biển số 60F3-641.88 đi đến C thì được 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) đưa cho T2 01 gói ma túy (hàng khay) và 01 gói bên trong chứa 04 viên thuốc lắc. Theo hướng dẫn của K, T2 mang số ma túy trên đến căn nhà nơi nhóm K đang thuê để giao ma túy. K nói P, Ngọc A1 ra gặp T2 nhận ma túy và trả tiền cho T2. P chuyển khoản trả số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho T2 vào tài khoản ngân hàng M số tài khoản 0395987691 tên Nguyễn Thị Yến N. Số tiền còn lại P nói T2 khoảng 02 giờ sau sẽ trả, T2 đồng ý giao ma túy cho P và bỏ đi. P mang số ma túy trên vào phòng đưa cho K. K lấy một phần ma túy hàng khay và 04 viên thuốc lắc bỏ lên chiếc đĩa sứ cho cả nhóm cùng sử dụng chung. Do không có tiền mặt để trả số tiền mua ma túy còn nợ nên K và P bàn bạc thống nhất sẽ thế chấp cho L1 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax của P để trả tiền mua ma túy, L1 đồng ý.

Đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 18/8/2022, T2 đi cùng Vũ Hà Minh H2, sinh năm 2000, ngụ tại B, khu phố I, phường T quay lại gặp nhóm K để lấy chiếc điện thoại P thế chấp (H2 không biết việc T2 bán ma túy). Khi T2 đang đứng phía trước căn nhà tại địa chỉ nêu trên và Ngọc A1 mang điện thoại xuống chưa kịp giao cho T2 thì bị Công an phường T phát hiện bắt giữ T2, K, P, T, Quỳnh A, Ngọc A1 cùng tang vật.

Tại Cơ quan điều tra, Dương Khắc K, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Thanh T, Phan Nguyễn Quỳnh A, Nguyễn Hoàng Ngọc A1 và Bùi Tuấn T2 khai nhận hành vi như trên.

2. Về kết luận giám định:

- Tại Kết luận giám định số 1759/KL-KTHS ngày 26/8/2022, Phòng K1 Công an tỉnh Đ đã kết luận:

“Mẫu chất màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 1,1730 gam, loại: Ketamine”.

- Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 653/KL-VPYTW ngày 14/9/2023 đối với Dương Khắc K, Viện pháp y tâm thần Trung ương B đã kết luận: “Về khả năng nhận thức, điều khiển hành vi:

+ Tại thời điểm gây án: Dương sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

+ Hiện nay: Dương sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật”.

- Tại Công văn số 229/VPYTW ngày 02/10/2023 của Viện pháp y tâm thần Trung ương B xác định: “Khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của Dương Khắc K sau khi gây án là hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi”.

3. Về các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Hữu H là người được rủ đến sử dụng ma túy và chở Nguyễn Thanh T đến địa điểm sử dụng ma túy, do Hậu sinh ngày 23/11/2007, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên hành vi không cấu thành tội phạm, Công an thành phố B đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với H về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với đối tượng Huỳnh Phạm Thảo L1 và người đàn ông (không rõ lai lịch đưa ma túy cho T2 đi giao cho K) có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với đối tượng Nguyễn Huy S, Đ (không rõ lai lịch) có hành vi giúp Dương Khắc K liên hệ tìm địa điểm sử dụng ma túy, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau.

Đối với đối tượng có hành vi cho nhóm Dương Khắc K thuê căn nhà tại địa chỉ thuộc tổ B, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan điều tra đã xác minh và làm việc với chủ nhà bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1961, ngụ 11/5, khu phố G, phường T, thành phố B (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) xác định: Vào ngày 10/6/2022, bà S1 cho đối tượng Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1995 cùng Nguyễn Nhật H3, sinh năm 2003 thuê ở tại căn nhà trên và không biết Đ1 sử dụng căn nhà vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra đã xác minh đối tượng Đ1, H3 nhưng chưa có kết quả, nên tách ra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với Vũ Hà Minh H2 cùng Bùi Tuấn T2 đi đến căn nhà không số thuộc tổ B, khu phố D, phường T, thành phố B (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai), H2 không biết mục đích T2 đến lấy tiền bán ma túy nên không xử lý.

Đối với Quách Tiến H1, sinh năm 2003, ngụ tại tổ B, khu phố C, phường T, thành phố B (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai): Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại địa chỉ nêu trên nhưng H1 vắng mặt tại địa phương, hiện không rõ ở đâu nên chưa làm việc được.

Đối với Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2004, ngụ tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp: Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng vẫn chưa có kết quả, nên tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với đối tượng có hành vi giao cấu với Nguyễn Hoàng Ngọc A1 vào khoảng tháng 6/2017 làm Ngọc A1 có thai và sinh 01 con vào ngày 05/3/2018: Ngọc A1 khai quen biết với đối tượng qua mạng xã hội facebook và thực hiện hành vi giao cấu vào khoảng tháng 6/2017. Tuy nhiên, Ngọc A1 không biết họ tên, địa chỉ của đối tượng, không còn liên lạc. Do chưa làm rõ được nhân thân, lai lịch và hành vi phạm tội của đối tượng trên, Cơ quan điều tra tách ra thụ lý bằng một vụ việc riêng để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý khi có đủ căn cứ.

3. Quyết định của Cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 358/2025/HS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 29/TB-TA ngày 02 tháng 02 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai đã:

- Áp dụng các điểm b, c, h khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; Điều 47; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thanh T** 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*. Thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2022.

- Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; Điều 47; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 119, 122 của Luật tư pháp và người chưa thành niên năm 2024.

Xử phạt: Bị cáo **Phan Nguyễn Quỳnh A** 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*. Thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2022.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên phạt các bị cáo Dương Khắc K, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Hoàng Ngọc A1 về tội *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”*. Bị cáo Bùi Tuấn T2 về tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”*, cụ thể:

- Bị cáo Dương Khắc K 08 (tám) năm tù.

- Bị cáo Nguyễn Hữu P 08 (T3) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 08 (tám) năm tù về tội *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”* tại bản án hình sự phúc thẩm số 412/2023/HS-PT ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 16 (mười sáu) năm tù.

- Bị cáo Nguyễn Hoàng Ngọc A1 08 (tám) năm tù.

- Bị cáo Bùi Tuấn T2 02 (hai) năm 11 (mười một) tháng 19 (mười chín) ngày tù, về tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”*. Tổng hợp với hình phạt 04 (bốn) năm

02 (hai) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại bản án hình sự sơ thẩm số: 209/2023/HS-ST ngày 16/05/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 07 (bảy) năm 01 (một) tháng 19 (mười chín) ngày tù.

Tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

4. Về nội dung kháng cáo của các bị cáo:

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, bị cáo Nguyễn Thanh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với nội dung: Bị cáo là lao động chính trong gia đình, mẹ già và con nhỏ.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, bị cáo Phan Nguyễn Quỳnh A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với nội dung: Gia đình có công với cách mạng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

5. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Phan Nguyễn Quỳnh A 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù là phù hợp, có cơ sở.

Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

6. Quan điểm bào chữa cho bị cáo Quỳnh A của Luật sư:

Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Phan Nguyễn Quỳnh A về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là đúng quy định. Tuy nhiên, mức án 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là quá nghiêm khắc vì bị cáo là người chưa thành niên, bị cáo phạm tội với vai trò thứ yếu, khi phạm tội bị cáo còn đang đi học, sinh sống ở thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, thành phố Hồ Chí Minh), không biết rõ địa điểm sử dụng ma túy, chỉ vì nhất thời bị bạn bè rủ rê nên đã phạm tội. Ngoài ra, cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung phạm tội “*đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là chưa chính xác vì bản thân bị cáo cũng là người chưa thành niên, việc H đến sử dụng ma túy

là do bị cáo P rủ đến. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người chưa thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thanh T, Phan Nguyễn Quỳnh A đã khai nhận vào khoảng 01 giờ ngày 18/8/2022, tại nhà không số thuộc tổ B, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai), Dương Khắc K, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Hoàng Ngọc A1, Phan Nguyễn Quỳnh A, Nguyễn Thanh T cùng nhau tổ chức và cho Nguyễn Hữu H, sinh ngày 23/11/2007 (em trai của P) sử dụng trái phép chất ma túy gồm 01 gói ma túy (hàng khay) và 01 gói bên trong chứa 04 viên thuốc lắc do các bị cáo mua từ Bùi Tuấn T2 với giá 3.900.000 đồng. Đến khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày, Công an phường T kiểm tra phát hiện bắt quả tang K, P, T, Ngọc A1, Quỳnh A, H về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ ma túy còn lại và tang vật khác.

Tại Kết luận giám định số 1759/KL-KTHS ngày 26/8/2022, Phòng K1 Công an tỉnh Đ đã kết luận: “Mẫu chất màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 1,1730 gam, loại: Ketamine”.

Do các bị cáo tổ chức cho từ 02 người trở lên sử dụng ma túy, trong đó có Nguyễn Hữu H sinh ngày 23/11/2007 (tại thời điểm xảy ra vụ án, H 14 tuổi 08 tháng 25 ngày) nên nên các bị cáo T và Quỳnh A đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Ngoài ra, do bị cáo Nguyễn Thanh T đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý nên phải chịu thêm tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T và luật sư bào chữa cho bị cáo Quỳnh A cho rằng các bị cáo không phải chịu tình tiết định khung phạm tội “*đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự vì các bị cáo không rủ H sử dụng ma túy, việc H đến sử dụng ma túy

là do bị cáo P rủ đến. Xét thấy, khi bị cáo P rủ H cùng đi sử dụng ma túy và điều khiển xe mô tô chở Quỳnh A, H đi sử dụng ma túy, tại địa điểm sử dụng ma túy thì các bị cáo T, Quỳnh A biết việc H cùng sử dụng ma túy và không phản đối nên các bị cáo T và Quỳnh A phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung phạm tội “*đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi*” với vai trò đồng phạm với bị cáo P. Do vậy, cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là đúng quy định pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước về quản lý các chất cấm, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác nên cần có mức hình phạt phù hợp đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Phan Nguyễn Quỳnh A là người sử dụng điện thoại và tài khoản của mình để các bị cáo khác chuyển tiền vào tài khoản của Quỳnh A để mua ma túy từ bị cáo T2 để các bị cáo cùng nhau tổ chức sử dụng ma túy chung tại địa chỉ trên. Còn bị cáo T, khi được K thông báo địa điểm sử dụng ma túy đã nhanh chóng đến và góp số tiền 1.000.000 đồng để mua ma túy sử dụng chung.

Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò và các đánh giá các tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Phan Nguyễn Quỳnh A 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù là phù hợp, có cơ sở.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[3.1] Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T:

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì cho rằng mức hình phạt cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là nặng hơn so với các bị cáo khác và bị cáo là lao động chính trong gia đình. Xét thấy, bản thân bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” là phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý nhưng không lấy đó là bài học để sửa chữa, trong thời gian chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, thể hiện thái độ xem thường pháp luật; bị cáo phạm tội với 03 tình tiết định khung hình quy định tại điểm b, c, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự nên mức án 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp, không nặng hơn các bị cáo khác như bị cáo đã nêu. Bị cáo cho rằng là lao động chính trong gia đình nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Bị cáo cho các cơ quan tố tụng ở sơ thẩm có nhiều vi phạm trong việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị cáo xét thấy tại trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị cáo không khiếu nại vấn đề này nên không xem xét.

Đối với việc bị cáo cho rằng bị tạm giam thời gian dài gây bất lợi cho bị cáo khi Tòa sơ thẩm xét xử là không có cơ sở nên không xem xét.

[3.2] Đối với bị cáo Phan Nguyễn Quỳnh A:

Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét khi phạm tội bị cáo mới 17 tuổi 07 tháng 02 ngày nên xem xét xử phạt bị cáo mức án 05 năm 06 tháng tù. Tuy tại cấp phúc thẩm, gia đình bị cáo có cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới là gia đình có công với cách mạng nhưng xét đây là tình tiết giảm theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và mức án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Phan Nguyễn Quỳnh A tại phiên tòa không phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ và quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ và quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh T và Phan Nguyễn Quỳnh A; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 358/2025/HS-ST ngày 31/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai.

[2] Áp dụng các điểm b, c, h khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; Điều 47; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thanh T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội *Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*. Thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2022.

[3] Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; Điều 47; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình

sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 119, 122 của Luật tư pháp và người chưa thành niên năm 2024:

Xử phạt: Bị cáo **Phan Nguyễn Quỳnh A 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng** tù về tội *Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*". Thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2022.

[3] Về án phí: Mỗi bị cáo Nguyễn Thanh T và Phan Nguyễn Quỳnh A phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND khu vực 1 – Đồng Nai (2);
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Cơ quan THAHS – CA tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT – CA tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 1 – Đồng Nai;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Công an/UBND xã Trừ Văn Thố, thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an/UBND phường An Phú, thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ sở giam giữ - Các Bị cáo;
- Lưu: HSVA, THS và VP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Bùi Lan Hương